

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ
KHOA KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG**

(Kèm theo Quyết định số 225 /QĐ-ĐHTĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018)

Cần Thơ, 2018

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 225/QĐ-ĐHTĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2018 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô)

Tên chương trình : **Cử nhân Tài chính – Ngân hàng**

Trình độ đào tạo : **Đại học**

Ngành đào tạo : **Tài chính – Ngân hàng**

Tên Tiếng Anh : **Finance and Banking**

Mã ngành : **52340201**

Loại hình đào tạo : **Chính quy tập trung**

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Tài chính – Ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, tài chính, ngân hàng; có năng lực nghiên cứu, hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng; có tư duy độc lập; có năng lực nghiên cứu và vận dụng một cách sáng tạo kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn.

1.1.1. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng được thiết kế với mục tiêu đào tạo như sau:

❖ **Kiến thức:**

G1. Hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Đường lối cách mạng Đảng Cộng Sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh.

G2. Hiểu và nắm vững kiến thức cơ bản về các lĩnh vực pháp luật về tài chính, ngân hàng và chứng khoán

G3. Nắm vững kiến thức cơ bản của quản trị kinh doanh, kế toán, tài chính, tiền tệ, ngân hàng và các kiến chuyên sâu về lĩnh vực chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng,

G4. Áp dụng các kiến thức cơ bản và chuyên ngành để giải quyết những vấn đề thực tiễn nghiệp vụ liên quan đến tài chính doanh nghiệp (lập kế hoạch tài chính, định giá doanh nghiệp, phân tích tài chính doanh nghiệp, huy động và



sử dụng nguồn vốn, quản trị tín dụng, nghiệp vụ thanh toán, đầu tư tài chính, thẩm định, marketing ngân hàng...).

❖ **Kỹ năng:**

- G5.** Kỹ năng phân tích, đánh giá tình hình tài chính phục vụ cho việc đưa ra các quyết định đầu tư, quyết định tài trợ và quyết định phân phối, kiểm soát. Lập kế hoạch tài chính để đưa ra phương hướng hoạt động kinh doanh, làm cơ sở cho đánh giá hiệu quả tài chính.
- G6.** Có khả năng thẩm định giá trị tài sản, giá trị chứng khoán, giá trị dự án đầu tư, giá trị doanh nghiệp. Có khả năng phát hiện và đưa ra các giải pháp quản trị rủi ro tài chính tại doanh nghiệp hoặc các tổ chức tín dụng.
- G7.** Có năng lực thực hành, sử dụng thành thạo phần mềm để tính các chỉ số tài chính và sử dụng sử dụng thành thạo Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng.
- G8.** Có khả năng lập luận, tư duy theo hệ thống tài chính, giải quyết các vấn đề nảy sinh, nghiên cứu và khám phá kiến thức trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng
- G9.** Có kỹ năng tự lập kế hoạch hoạt động, tổ chức, sắp xếp công việc, đánh giá kết quả công việc, nhiệm vụ được giao, vận dụng một cách sáng tạo kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn.

❖ **Thái độ:**

- G10.** Có năng lực tự học, tự nghiên cứu, cầu tiến và có tính kỷ luật
- G11.** Có tinh thần trách nhiệm đối với xã hội và đạo đức nghề nghiệp.

2. CHUẨN ĐẦU RA

Sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng đạt được những chuẩn đầu ra sau:

2.1. Kiến thức

2.1.1. Kiến thức chung

- K1.** Nắm rõ một cách hệ thống các kiến thức cơ bản về kinh tế, lý luận chính trị, các kiến thức về toán học, kiến thức xã hội, khoa học tự nhiên để vận dụng trong học tập, nghiên cứu và lĩnh vực kinh tế.
- K2.** Sử dụng tốt ngoại ngữ và các phần mềm tin học trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

2.1.2. Kiến thức chuyên môn

K3. Áp dụng các kiến thức chuyên ngành liên quan đến tài chính doanh nghiệp (lập kế hoạch tài chính, định giá doanh nghiệp, phân tích tài chính doanh nghiệp, quản trị rủi ro tài chính...).

K4. Áp dụng các kiến thức chuyên ngành liên quan đến tài chính ngân hàng (Huy động và sử dụng nguồn vốn, quản trị tín dụng, nghiệp vụ thanh toán, đầu tư tài chính, thẩm định, marketing, kế toán...).

K5. Lựa chọn các phương pháp nghiên cứu khoa học trong tài chính phù hợp để thực hiện các đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế tài chính.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng mềm

S6. Áp dụng hiệu quả các kỹ năng mềm (giao tiếp, làm việc nhóm, viết - đọc và trình bày, thuyết trình) vào công việc tài chính thực tế tại doanh nghiệp.

S7. Sử dụng tốt ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (tương đương trình độ TOEIC \geq 450 điểm) và tin học tương đương trình độ Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao.

2.2.2. Kỹ năng nghề nghiệp

S8. Phân tích tình hình tài chính phục vụ cho việc đưa ra các quyết định đầu tư, quyết định tài trợ và quyết định phân phối. Lập kế hoạch tài chính để đưa ra phương hướng hoạt động kinh doanh, làm cơ sở cho đánh giá hiệu quả tài chính.

S9. Phát hiện và đưa ra các giải pháp quản trị rủi ro tài chính tại doanh nghiệp và các tổ chức tín dụng.

S10. Thẩm định giá trị tài sản, giá trị chứng khoán, giá trị dự án đầu tư, giá trị doanh nghiệp.

S11. Phát triển khả năng tìm kiếm, thu thập dữ liệu và sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu để hoàn thành các đề tài khoa học được đăng trên các kỷ yếu, tạp chí trong và ngoài nước.

2.3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm

C12. Có phẩm chất đạo đức tốt; ý thức đầy đủ và tuyệt đối tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; có tinh thần trách nhiệm công dân.

C13. Tinh thần, thái độ phục vụ tận tụy; tôn trọng khách hàng; trung thực, trách nhiệm, tuân thủ pháp luật và các qui định của cơ quan làm việc; có ý thức xây dựng tập thể đơn vị;

C14. Khả năng ứng biến tốt trong môi trường thay đổi, mềm dẻo, linh hoạt với nhiều điều kiện, hoàn cảnh đa dạng;

C15. Có tinh thần cầu tiến, học hỏi, luôn tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, sẵn sàng tham gia các công tác liên quan đến chuyên môn của mình để phục vụ Nhà trường, đoàn thể, cộng đồng xã hội.

3. ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP, VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng có năng lực làm việc tại các định chế tài chính ngân hàng và phi ngân hàng, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan với các chức danh như: chuyên viên tín dụng, quan hệ khách hàng, thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại hối, quản lý nguồn vốn, quản lý rủi ro, tư vấn tài chính, giao dịch viên, kế toán, chuyên viên tài chính, môi giới, phân tích đầu tư, tư vấn tài chính, quản lý danh mục đầu tư, ... nghiên cứu, giảng dạy tại các cơ sở nghiên cứu và giáo dục đại học.

4. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 04 năm (08 học kỳ; 02 học kỳ/năm)

5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 150 tín chỉ.

6. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Tây Đô. Công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo.
- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

7.1. Quy trình đào tạo:

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

7.2. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô) và Quy định các kỹ năng chuẩn đầu ra cho sinh viên, học sinh trường Đại học Tây Đô.

- a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- b) Tích lũy đủ số học phần quy định theo chương trình đào tạo;
- c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;
- d) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – an ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất.
- e) Đạt chuẩn kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và được cấp chứng chỉ theo quy định nhà trường.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÀO TẠO VÀ THANG ĐIỂM

8.1. Phương pháp đào tạo

Để nâng cao chất lượng đào tạo, Khoa Kế toán – Tài chính – Ngân hàng đã không ngừng cải tiến phương pháp giảng dạy, áp dụng các phương pháp giảng dạy tiên tiến như:

- a) Sử dụng các trợ huấn cụ phù hợp trong giảng dạy.
- b) Tất cả các môn học đều có giáo trình, tài liệu giảng dạy và tài liệu tham khảo đầy đủ.
- c) Kết hợp chặt chẽ học lý thuyết với thực tế: thường xuyên tổ chức đi tham quan, khảo sát thực tế, mời các chuyên gia trong và ngoài nước báo cáo kinh nghiệm thực tế cho sinh viên.
- d) Tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học.

8.2. Thang điểm:

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
9,0 – 10,0	A	4,0
8,0 – 8,9	B+	3,5
7,0 – 7,9	B	3,0
6,5 – 6,9	C+	2,5
5,5 – 6,4	C	2,0
5,0 – 5,4	D+	1,5
4,0 – 4,9	D	1,0
nhỏ hơn 4,0	F	0,0

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Khối kiến thức	Tín chỉ
1	Kiến thức giáo dục đại cương	46
2	Kiến thức cơ sở ngành	35
	▪ Bắt buộc	31
	▪ Tự chọn	4

3	Kiến thức chuyên ngành ▪ Bắt buộc ▪ Tự chọn	57
		48 9
4	Thực tập tốt nghiệp, đồ án, khóa luận tốt nghiệp (hoặc tiểu luận tốt nghiệp kết hợp học phần thay thế)	12
Tổng cộng		150

9.1. Kiến thức giáo dục đại cương

33 TC

Số TT	Tên môn học	Tín chỉ
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin 1	2
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin 2	3
3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
5	Tiếng Anh định hướng TOEIC 1	4
6	Tiếng Anh định hướng TOEIC 2	4
7	Tiếng Anh định hướng TOEIC 3	4
8	Toán cao cấp	4
9	Tin học căn bản	2
10	TH. Tin học căn bản	2
11	Xác suất thống kê	3
12	Pháp luật đại cương	2
Tổng cộng		35

9.2. Kiến thức cơ sở ngành

35 TC

STT	Mã HP	Tên môn học	TC	HP tiên quyết
Học phần bắt buộc			32	
1		Luật kinh tế	2	
2		Phương pháp nghiên cứu khoa học (*)	3	
3		Kinh tế vi mô	3	
4		Kinh tế vĩ mô	3	

5	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	
6	Nguyên lý kế toán	3	
7	Kinh tế lượng	3	
8	Lý thuyết Tài chính	3	
9	Quản trị học căn bản	3	
10	Toán kinh tế	3	
11	Quản trị tài chính	3	
Học phần tự chọn		4	
1	Giao tiếp kinh doanh	2	
2	Lý thuyết bảo hiểm	2	
3	Lý thuyết thẩm định giá	2	
4	Marketing căn bản	2	
5	Kinh tế quốc tế	2	

9.3. Kiến thức chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng

57 TC

STT	Mã HP	Tên môn học	TC	HP tiên quyết
Học phần bắt buộc			48	
1		Tiền tệ - Ngân hàng	3	
2		Thị trường tài chính	3	
3		Thanh toán quốc tế	3	
4		Đầu tư tài chính	3	
5		Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 1	3	
6		Tài chính quốc tế	3	
7		Quản trị ngân hàng thương mại	3	
8		Quản trị rủi ro tài chính	3	
9		Kế toán ngân hàng	3	
10		Kế toán tài chính 1	3	
11		Tiếng Anh chuyên ngành tài chính - ngân hàng	2	
12		Kiểm toán 1	2	
13		Thuế và khai báo thuế	3	

14	Tin học ứng dụng TC - NH	3
15	Phân tích hoạt động kinh doanh	3
16	Chuyên đề tài chính - ngân hàng (*) (2 TC lý thuyết + 3 TC thực hành)	5
Học phần tự chọn		8
1	Marketing ngân hàng (**)	2
2	Kiểm soát nội bộ	3
3	Lập mô phỏng kế hoạch tài chính doanh nghiệp (**)	2
4	Phân tích và thẩm định dự án	3
5	Thẩm định tín dụng ngân hàng	3
6	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 2	3
7	Tài chính doanh nghiệp	3
8	Nghiệp vụ ngoại thương	3
9	Kế toán tài chính 2	3
10	Thẩm định giá	3
11	Tài chính cá nhân (**)	2
12	Hệ thống thông tin TC-NH (**)	2

9.4. Thực tập tốt nghiệp, viết chuyên đề (khóa luận): 12 TC

STT	Hình thức	TC
Loại hình 1	Thực tập tốt nghiệp và báo cáo khóa luận tốt nghiệp	12
Loại hình 2	Thực tập tốt nghiệp, làm tiểu luận tốt nghiệp và học môn thay thế	12
	<u>Công:</u>	<u>12</u>

10. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY: (dự kiến)**10.1. Học kỳ 1**

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Những nguyên lý cơ bản của CN-ML1	2	30	2	30		
2	Toán cao cấp	4	60	3	45	1	30
3	Pháp luật đại cương	2	30	2	30		
4	Tin học căn bản	2	30	2	30		
5	TH. Tin học căn bản	2	60			2	60
6	Tiếng Anh định hướng TOEIC 1	4	60	2	30	2	60
7	Giáo dục quốc phòng	8					
8	Giáo dục thể chất 1	1					
	Cộng	16	240	11	165	4	120

10.2. Học kỳ 2

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Những nguyên lý cơ bản của CN-ML2	3	45	3	45		
2	Xác suất thống kê	3	45	2	30	1	30
3	Luật kinh tế	2	30	2	30		
4	Toán kinh tế	3	45	2	30	1	30
5	Kinh tế vi mô	3	45	3	45		
6	Quản trị học căn bản	3	45	2	30	1	30
7	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	4	60	2	30	2	60
8	Giáo dục thể chất 2	1					
	<i>Chọn 1 trong các học phần sau:</i>						
9	Giao tiếp kinh doanh	2	30	2	30		
	Marketing căn bản	2	30	2	30		
	Kinh tế quốc tế	2	30	2	30		
	Cộng	23	360	17	255	5	150

10.3. Học kỳ 3

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	45	2	30	1	30
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	2	30		
3	Kinh tế vĩ mô	3	45	2	30	1	30
4	Nguyên lý kế toán	3	45	2	30	1	30
5	Lý thuyết Tài chính	3	45	3	45		
6	Tiếng Anh định hướng ToEIC 3	4	60	2	30	2	60
7	Giáo dục thể chất 3	1					
	Cộng	18	300	13	225	5	150

10.4. Học kỳ 4

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	45	3	45		
2	Tiền tệ ngân hàng	3	45	3	45		
3	Kinh tế lượng	3	45	2	30	1	30
4	Quản trị tài chính	3	45	2	30	1	30
5	Kế toán tài chính 1	3	45	2	30	1	30
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	2	30	1	30
7	Thuế và khai báo thuế	3	45	2	30	1	30
<i>Chọn 1 trong các học phần sau:</i>							
8	Lý thuyết bảo hiểm	2	30	2	30		
	Lý thuyết thẩm định giá	2	30	2	30		
	Cộng	23	345	19	285	5	135

10.5. Học kỳ 5

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Thanh toán quốc tế	3	45	2	30	1	30
2	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 1	3	45	2	30	1	30
3	Tin học ứng dụng ngành TCNH	3	45	1	15	2	60
4	Kiểm toán 1	2	30	1	15	1	30
5	Thị trường tài chính	3	45	2	30	1	30
	<i>Chọn 01 trong các học phần sau</i>						
6	Tài chính doanh nghiệp	3	45	2	30	1	30
	Nghiệp vụ ngoại thương	3	45	2	30	1	30
	Thẩm định giá	3	45	2	30	1	30
	Kế toán tài chính 2	3	45	2	30	1	30
	Cộng	17	255	10	150	7	210

10.6. Học kỳ 6

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Kế toán ngân hàng	3	45	2	30	1	30
2	Tài chính quốc tế	3	45	2	30	1	30
3	Tiếng Anh chuyên ngành TCNH	2	30	1	15	1	30
4	Chuyên đề tài chính – ngân hàng	5	75				150
	<i>Chọn 01 trong các học phần sau:</i>						
5	Phân tích và thẩm định dự án	3	45	2	30	1	30
	Thẩm định tín dụng ngân hàng	3	45	2	30	1	30
	Kiểm soát nội bộ	3	45	2	30	1	30
	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 2	3	45	2	30	1	30
	Cộng	16	240	9	105	5	270

10.7. Học kỳ 7:

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Quản trị ngân hàng thương mại	3	45	2	30	1	30
2	Quản trị rủi ro tài chính	3	45	2	30	1	30
3	Đầu tư tài chính	3	45	2	30	1	30
4	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45	2	30	1	30
<i>Chọn 01 trong các học phần sau:</i>							
5	Marketing ngân hàng	2	30	1	15	1	15
	Tài chính cá nhân	2	30	1	15	1	15
	Lập mô phỏng kế hoạch tài chính DN	2	30	1	15	1	15
	Hệ thống thông tin TC-NH	2	30	1	15	1	15
	Cộng	14	215	9	135	5	135

10.8. Học kỳ 8: Thực tập tốt nghiệp, làm khóa luận: 12 TC

STT	Hình thức	Tín chỉ
1	Loại hình 1: Thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp <i>(được áp dụng đối với những sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp)</i>	12
2	Loại hình 2: Môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp: <i>(được áp dụng đối với những sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp)</i> - Môn học 1 <i>(SV chọn trong những môn tự chọn nếu chưa đủ tín chỉ)</i> - Môn học 2 <i>(SV chọn trong những môn tự chọn nếu chưa đủ tín chỉ)</i> - Thực tập và làm tiểu luận tốt nghiệp	2 2 8
	Cộng:	12

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH:

11.1. Cách quy đổi giờ:

Giờ quy đổi được tính như sau:

1 tín chỉ (TC) = 15 tiết giảng lý thuyết (Các học phần lý thuyết)

= 30 đối với học phần thực tập, thực hành

= 60 thực tập tốt nghiệp tại đơn vị thực tập

Số tiết của các học phần là bội số của 15

Một tiết giảng là 50 phút.

11.2. Chương trình ngành Tài chính ngân hàng được thiết kế theo đơn ngành:

Chương trình này được biên soạn trên cơ sở tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Ngoài các học phần bắt buộc, Trường đã thiết kế các học phần tự chọn cho phù hợp với chuyên ngành đào tạo và chuẩn đầu ra.

HIỆU TRƯỞNG



Torân Hồng Luận